

Bản án số: 19/2024/HS-ST
Ngày: 17-01-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Tịnh Thới.
2. Ông Hồ Văn Tài.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 276/2023/HSST ngày 18 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. KA R (Minh N), sinh năm: 2004, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Ấp D, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Chăm; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Hồi giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1973 và bà Ty K, sinh năm: 1972; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không;

Tiền án: Có 01 tiền án (*Tại Bản án hình sự số 163/2022/HS-ST ngày 28-11-2022, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30-4-2023*);

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày **23-10-2023** đến nay.

2. AS NA V (V1), sinh năm: 1998, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Ấp D, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Chăm; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Hồi giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Du S, sinh năm: 1967 (đã chết) và bà Ra Fi A, sinh năm: 1970; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không;

Tiền án: Có 01 tiền án (*Tại Bản án hình sự số 124/2022/HS-ST ngày 16-9-2022, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 22-12-2022*);

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày **07-11-2023** đến nay.
(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

+ Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm: 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Lầu Công B, sinh năm: 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Pha L, sinh năm: 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Hoàng Minh T, sinh năm: 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình điều tra xác định: Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 04-9-2023, Ka R và As Na V cùng nhau bàn bạc đi bắt trộm gà bán lấy tiền tiêu xài. Ka Rim điều khiển xe mô tô mang biển số 60V3-3587, chở As Na V đi từ xã X, huyện X đến xã X, huyện X, khi đi đến khu vực rẫy của ông Nguyễn Văn N1 thuộc ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, Ka R cùng As Na V lên vào chuồng gà bắt trộm 07 con gà (06 con gà mái và 01 con gà trống, mỗi con nặng từ 1,5kg đến 2,8kg). Ka Rim điều khiển xe mô tô chở As N ra Quốc lộ A, về lại xã X. Khi lưu thông đến Trạm bán xăng dầu P thuộc ấp F, xã X, huyện X, Đồng Nai, bị Công an xã X tuần tra, phát hiện. As Na V vứt bỏ gà chạy thoát, Ka R bị Công an xã X đưa về trụ sở xác minh làm rõ sự việc. Công an xã X đã lập biên bản ghi nhận sự việc và bàn giao Ka Rim cùng tang vật, phương tiện cho Công an xã X xử lý theo thẩm quyền.

Vụ việc đang giải quyết: Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 22-10-2023, Ka R chuẩn bị 01 cái kéo cắt sắt và 01 tuốc nơ vít, đi bộ ngang qua cửa hàng điện thoại di động của anh Lầu Công B, thuộc ấp C, xã X, huyện X thấy không có người trông coi, Ka R ra phía sau sử dụng kéo cắt phá tôn, mở cửa đi vào bên trong cửa hàng. Ka Rim lấy chổi đẩy camera lên hướng trần nhà, rồi đến tủ nhựa đựng quần áo tìm lấy 23 tờ tiền các loại và 02 sợi dây chuyền bằng bạc của anh L1 Công B bỏ vào túi quần. Khi Ka R đi ra khỏi cửa hàng thì thấy anh Nguyễn Văn D (là người anh Lầu C Bầu nhờ đến kiểm tra cửa hàng vì có hiện tượng kẻ trộm vào cửa hàng), Ka R đã bỏ chạy về hướng chùa B1. Sau đó, Công an xã X tiến hành xác minh, kiểm tra phát hiện trên người Ka R đang cất giấu tài sản vừa lấy trộm của anh L1 Công B gồm: 01

(Một) dây chuyền bằng bạc có gắn thánh giá bằng bạc, nặng 1,6 chỉ; 01 (Một) dây chuyền bằng bạc nặng 0,4 chỉ; 56 USD (đô la Mỹ); 187 Yuan (tiền Trung Quốc); 28.000 Won (tiền Hàn Quốc); 1.100 Riels (tiền [C](#)), nên giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện X](#) giải quyết theo quy định.

* Trị giá: 04 con gà mái còn sống, lông màu vàng, trung bình mỗi con nặng 1,5kg là 660.000 đồng; 01 con gà trống, lông màu vàng xám nặng 2,8kg là 280.000 đồng; 02 con gà mái, lông màu vàng xám mỗi con nặng 2,6kg là 572.000 đồng. Tổng trị giá tổng 07 con gà là 1.512.000 (Một triệu năm trăm mười hai nghìn) đồng.

* Trị giá: 01 (Một) dây chuyền bằng bạc có gắn thánh giá bằng bạc, nặng 1,6 chỉ là 96.000 đồng; 01 (Một) dây chuyền bằng bạc nặng 0,4 chỉ là 24.000 đồng; 56 USD (đô la Mỹ): 1.344.000 đồng; 187 Yuan (tiền Trung Quốc): 598.400 đồng; 28.000 Won (tiền Hàn Quốc): 439.040 đồng; 1.100 Riels (tiền Campuchia): 6.050 đồng. Tổng trị giá là 2.507.490 đồng.

Vật chứng vụ án thu giữ:

- 01 (Một) cái kéo cắt sắt; 01 (Một) cái tuốc nơ vít;
- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, số máy JA36E058717; số khung: RLHJA3613EY018133, có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên [Hà Văn C1](#) (không có biển số). Quá trình điều tra xác định, vào năm 2020, ông [Hà Văn C1](#) đã bán xe này cho ông [Phạm Văn T1](#). Ngày 12-5-2020, ông [Phạm Văn T1](#) đã bán chiếc xe này cho ông [Pha L](#) là cha dượng của [Ka R](#);

- Biển số 60V3-3587, [Ka R](#) gắn vào xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, số máy: JA36E058717; số khung: RLHJA3613EY018133 là phương tiện Ka Rim và [As Na V](#) sử dụng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Qua tra cứu biển số 60V3-3587 là của xe mô tô nhãn hiệu MANDO do chị [Phạm Nguyễn Thanh H1](#) làm chủ. Chị [Phạm Nguyễn Thanh H1](#) trình bày với Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện X](#): Chiếc xe mô tô có gắn biển số này chị đã bán cho một thanh niên không rõ lai lịch. Ka Rim trình bày biển số 60V3-3587 bị cáo nhặt được trên đường. Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện X](#) đã ra thông báo truy tìm, nhưng đến nay chưa xác minh được chủ sở hữu biển số xe.

- 03 (Ba) con gà (01 con gà trống nặng 2,8 kg và 02 con gà mái nặng 5,2 kg) là tài sản của ông [Nguyễn Văn N1](#), Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện X](#) đã trả lại cho ông [Nguyễn Văn N1](#).

- 01 (Một) sợi dây chuyền bằng bạc có gắn thánh giá bằng bạc, nặng 1,6 chỉ; 01 (Một) dây chuyền bằng bạc nặng 0,4 chỉ; 56 USD (đô la Mỹ); 187 Yuan (tiền Trung Quốc); 28.000 Won (tiền Hàn Quốc); 1.100 Riels (tiền [C2](#)), [Công an huyện X](#) đã ra trả lại cho anh [L1](#) Công Bàu.

Bản Cáo trạng số **02/CT-VKSXL** ngày 12-12-2023, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai truy tố Ka Rim và As Na Vi về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm [Ka R](#) và [As Na V](#) khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung Cáo trạng mô tả. Hành vi của các bị cáo

có đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với [Ka R](#) và [As Na V](#).

Bị cáo [Ka R](#) phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự; đối với [As Na V](#) không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gây thiệt hại không lớn; dân tộc thiểu số là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s, khoản 1, Điều 51 và khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo [Ka R](#) và As Na Vi phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm h, khoản 1, Điều 52; điểm h, s, khoản 1, Điều 51; khoản 2, Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên phạt: Bị cáo [Ka R](#) từ **01 năm đến 01 năm 06 tháng** tù;

Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 173; điểm h, s, khoản 1, Điều 51; khoản 2, Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên phạt: Bị cáo [As Na V](#) từ **06 tháng đến 10 tháng** tù;

Ý kiến của bị hại ông [Nguyễn Văn N1](#): Ông đã nhận số tiền 2.000.000 đồng bồi thường, ông không yêu cầu bồi sung.

Ý kiến của bị hại anh [Lầu Cồng B](#): Anh đã nhận lại tài sản bị mất trộm vào ngày 22-10-2023, anh không yêu cầu bồi thường.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông [Pha L](#): Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, số máy JA36E058717; số khung: RLHJA3613EY018133, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên [Hà Văn C1](#), ngày 12-5-2020 ông [Phạm Văn T1](#) bán cho ông. Vào ngày 04-9-02023, [Ka R](#) mượn đi công việc, [Ka R](#) sử dụng xe này đi trộm cắp tài sản, ông không biết, ông đã nhận lại tài sản, ông không có yêu cầu gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo [Ka R](#) im lặng, không ý kiến; bị cáo [As Na V](#) phát biểu: Bị cáo đã ăn năn, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [Công an huyện X](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân [huyện X](#), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo [Ka R](#) và [As Na V](#) khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 04-9-2023, [Ka R](#) và [As Na V](#) cùng nhau lén lút vào chuồng gà của ông [Nguyễn Văn N1](#) thuộc [ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai](#), bắt trộm: 01 (Một) con gà trống, lông màu vàng - xám và 06 (Sáu) con gà mái, lông màu vàng - xám. Tổng trị giá là 1.512.000 (Một triệu năm trăm mười hai nghìn) đồng.

Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 22-10-2023, [Ka R](#) dùng kéo cắt tôn vào cửa hàng điện thoại di động của anh [L1](#) Công Bửu thuộc [ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai](#) lấy: 01 (Một) sợi dây chuyền bằng bạc, có gắn cây thánh giá bằng bạc, tổng khối lượng 1,6 chỉ; 01 (Một) sợi dây chuyền bằng bạc, khối lượng 0,4 chỉ; 56 (Năm mươi sáu) USD (Đô la Mỹ); 187 (Một trăm tám mươi bảy) Yuan (tiền Trung Quốc); 28.000 (Hai mươi tám nghìn) Won (tiền Hàn Quốc) và 1.100 (Một nghìn một trăm) Riels (tiền Campuchia). Tổng trị giá là 2.507.490 (Hai triệu năm trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm chín mươi) đồng.

Tổng trị giá tài sản 02 lần bị cáo [Ka R](#) thực hiện là 4.019.490 đồng, đối với bị cáo [As Na V](#) trị giá tài sản 01 lần tham gia bắt trộm gà là 1.512.000 đồng. Bị cáo [As Na V](#) có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo [Ka R](#) và [As Na V](#) phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật Hình sự, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của ông [Nguyễn Văn N1](#) và anh [Lầu Công B](#), nên cần đưa ra xét xử và áp dụng mức hình phạt nghiêm, nhằm răn đe các bị cáo và để giáo dục, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Trị giá tài sản của bị cáo [Ka R](#) trộm cắp 1 4.019.490 đồng (thuộc phạm vi trên 2.000.000 đồng và dưới 50.000.000 đồng); trị giá tài sản bị cáo [As Na V](#) trộm cắp là 1.512.000 đồng (thuộc trường hợp trị giá tài sản chưa đến 2.000.000 đồng, nhưng có tiền án về tội trộm cắp tài sản), nên các bị cáo bị xét xử theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo [Ka R](#) phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo [As Na V](#) không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gây thiệt hại không lớn; dân tộc thiểu số là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, h, khoản 1, Điều 51, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cũng xem xét cho các bị cáo trong khi quyết định hình phạt.

[5] Về dân sự:

- Ông [Nguyễn Văn N1](#) đã nhận 2.000.000 đồng số tiền bồi thường, ông không yêu cầu bổ sung, nên không xét.
- Anh [Lầu Công B](#) đã nhận lại tài sản bị mất trộm vào ngày 22-10-2023, anh không yêu cầu bồi thường, nên không xét.
- Ông [Pha L](#) đã nhận lại xe, không có yêu cầu gì, nên không xét.

[6] *Về vật chứng:*

- 01 (Một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, số máy JA36E058717; số khung: RLHJA3613EY018133, có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên [Hà Văn C1](#) (không có biển số), là thuộc quyền sở hữu của ông [Pha L](#), việc [Ka R](#) mượn đi công chuyện nhưng bị cáo sử dụng trong quá trình trộm cắp tài sản, ông không biết, nên Cơ quan [Công an huyện X](#) trả lại cho ông [Pha L](#) là hợp lý.
- Đối với biển số xe 60V3-3587, chưa xác minh được chủ sở hữu, nên giao Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện X](#) tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định.

- 01 (Một) cái kéo cắt sắt; 01 (Một) cái tuốc nơ vít là dụng cụ bị cáo [Ka R](#) sử dụng trong quá trình trộm cắp tài sản nên tịch thu tiêu hủy.

[7] *Về án phí:* Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm h, khoản 1, Điều 52; điểm h, s, khoản 1, Điều 51, khoản 2, Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo [Ka R](#) phạm tội: **“Trộm cắp tài sản”**.

Xử phạt: [Ka Rim](#) – 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23-10-2023.

2. Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 173; điểm h, s, khoản 1, Điều 51, khoản 2, Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo [As Na V phạm t:](#) **“Trộm cắp tài sản”**.

Xử phạt: [As Na V](#) – 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07-11-2023.

3. *Về vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) cái kéo cắt sắt; 01 (Một) cái tuốc nơ vít.

Đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc ngày 13-12-2023.

- Giao cho [Công an huyện X](#) 01 (Một) biển số xe 60V3-3587 tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định.

4. *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

[Ka R](#) và [As Na V](#) mỗi bị cáo phải nộp **200.000 (Hai trăm nghìn)** đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:

- TAND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an H.Xuân Lộc;
- VKSND. H.Xuân Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND. xã Xuân Hưng;
- Bị cáo; các đương sự;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng